

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phụng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám; Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1049/2022/TLST-HNGĐ ngày 01-12-2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22-02-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HPT ngày 08-3-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị T, sinh năm: 1990. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số E đường H, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hải Q, sinh năm: 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số G đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

Chị T và anh Q là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105 quyển số 01 ngày 09-7-2013, kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Sau kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Từ năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế, anh Q không tu chí làm ăn mà chơi lô đề, cờ bạc nợ nần nhiều, ngoài ra mâu thuẫn về cách nuôi dạy con, bất đồng quan điểm vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài ngày càng căng thẳng

nên từ tháng 9-2022 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị T không còn tình cảm với anh Q, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho C và anh Q được ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh Q có hai con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 10-10-2013 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15-3-2019. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu T1, cháu K, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Đối với bị đơn là anh Nguyễn Hải Q: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Q đến Tòa án làm việc nhưng anh Q không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của anh Q tại Công an P1, thành phố V thì anh P có đăng ký cư trú tại G đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh Q theo quy định pháp luật.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn có xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định giữa chị T và anh Q có mâu thuẫn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, chị T không còn tình cảm với anh Q. Chị T và anh Q có hai con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 10-10-2013 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15-3-2019. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu T1, cháu K điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu T1, cháu K còn nhỏ nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị T và anh Q được ly hôn, về con chung chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu T1, cháu K, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn anh Nguyễn Hải Q, có địa chỉ tại G đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình có quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với nguyên đơn chị Thanh vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Q Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q tự nguyện kết hôn và được UBND phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105 quyển số 01 ngày 09-7-2013, kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Chị T trình bày nguyên nhân là mâu thuẫn về kinh tế, anh Q không tu chí làm ăn mà chơi lô đề, cờ bạc nợ nần nhiều, ngoài ra mâu thuẫn về cách nuôi dạy con, bất đồng quan điểm vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Chị T nhiều lần bỏ qua để cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng anh Q không thay đổi mà mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9-2022 cho đến nay.

[2.2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Q vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh Q, tuy nhiên xét thấy chị T và anh Q sống ly thân từ tháng 9-2022 cho đến nay, trong khi anh Q là người chồng, người cha nhưng không quan tâm đến vợ con, vợ chồng sống ly thân nhưng anh Q không cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để gia đình đoàn tụ. Từ đó thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh Q không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và nay chị T không còn tình cảm với anh Q, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T ly hôn với anh Q.

[3] Về con chung: hai con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 10-10-2013 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15-3-2019, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu T1, cháu K, xét thấy chị T chăm sóc con chung từ nhỏ đến nay kể cả khi vợ chồng sống ly thân thì cháu cả hai cháu T1, cháu K ở với chị T do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 cũng như cháu K còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu số tiền là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Hải Q ly hôn.

Về con chung: Chị Hà Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 10-10-2013 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh

ngày 15-3-2019, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q được quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hà Thị T phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003540 ngày 25-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- UBND P.Rạch Dừa, Tp. VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Thị Phụng

